

PHÂN TÍCH BÀI THƠ THƯƠNG VỢ CỦA TÚ XƯƠNG

1. Phân tích bài thơ Thương vợ của Tú Xương

Thơ xưa viết về người vợ đã ít, mà viết về người vợ khi còn sống càng hiếm hơn. Các thi nhân thường chỉ làm thơ khi người bạn trăm năm đã qua đời. Kể cũng là điều nghiệt ngã khi người vợ đi vào cõi thiên thu mới được bước vào địa hạt thi ca.

Bà Tú Xương có thể đã phải chịu nhiều nghiệt ngã của cuộc đời nhưng bà lại có niềm hạnh phúc mà bao kiếp người vợ xưa không có được: Ngay lúc còn sống bà đã đi vào thơ ông Tú Xương với tất cả niềm thương yêu, trân trọng của chồng. Trong thơ Tú Xương, có một mảng lớn viết về người vợ mà bài Thương vợ là một trong những bài xuất sắc nhất.

Tình thương vợ sâu nặng của Tú Xương thể hiện qua sự thấu hiểu nỗi vất vả gian lao và phẩm chất cao đẹp của người vợ.

Câu thơ mở đầu nói hoàn cảnh làm ăn buôn bán của bà Tú. Hoàn cảnh vất vả, lam lũ được gợi lên qua cách nói thời gian, cách nêu địa điểm. Quanh năm là suốt cả năm, không trừ ngày nào dù mưa hay nắng. Quanh năm còn là năm này tiếp năm khác đến chóng mặt, đến rã rời chứ đâu phải chỉ một năm. Địa điểm bà Tú buôn bán là mom sông, cái doi đất nhô như lời giới thiệu, lại như một bối cảnh làm hiện lên hình bà Tú tần tảo, vất vả ngược xuôi:

Quanh năm buôn bán ở mom sông.

Thấm thía nỗi vất vả, gian lao của vợ, Tú Xương mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Có điều hình ảnh con cò trong ca dao đầy tội nghiệp mà hình ảnh con cò trong thơ Tú Xương còn tội nghiệp hơn. Con cò trong thơ Tú Xương không chỉ xuất hiện trong cái rộn ngợp của không gian (như con cò trong ca dao) mà cái rộn ngợp của thời gian. Chỉ bằng ba từ khi quăng vẳng tác giả đã nói lên được cả thời gian, không gian heo hút, rộn ngợp, chứa đầy lo âu cái rộn ngợp của thời gian, đã làm hao hụt cả ý thơ. So với câu ca dao: Con cò lặn lội bờ sông, câu thơ của Tú Xương:

Lặn lội thân cò khi quăng vẳng

Là cả một sự sáng tạo. Cách đảo ngữ – đưa ra từ lặn lội lên đầu câu, cách thay từ – thay từ con cò bằng thân cò, càng làm tăng nỗi vất vả gian truân của bà Tú. Từ thân cò gợi cả nỗi đau thân phận, so với từ con của Tú Xương cũng sâu sắc, thấm thía hơn.

Nếu câu thơ thứ ba gợi nỗi vất vả đơn chiếc thì câu thứ tư lại làm rõ sự vất vả với cuộc sống của bà Tú:

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Câu thơ gợi cảnh chen chúc, bươn bả trên sông nước của những người buôn bán nhỏ. Sự cạnh tranh chưa đến mức sát phạt nhau nhưng cũng không thiếu lời qua tiếng lại. Buổi đò đông đâu phải là ít lo âu, nguy hiểm hơn khi quăng vẳng. Trong ca dao, người mẹ từng dặn con: Con ơi nhớ lấy câu này / Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua. “Buổi đò đông” không chỉ có những lời phàn nàn, mè nheo, cau gắt, những sự chen lấn xô đẩy mà còn chứa đầy bất trắc hiểm nguy. Hai câu thực đối nhau về ngữ (khi quăng vẳng đối với buổi đò đông) nhưng lại thừa tiếp nhau về ý để làm nổi bật sự vất vả gian truân của bà Tú: đã vất vả, đơn chiếc, lại thêm sự bươn bả trong hoàn cảnh chen chúc làm ăn.

Hai câu thực nói thực cảnh bà Tú đồng thời cho ta thấy thực tình của Tú Xương: tấm lòng xót thương da diết.

Cuộc sống vất vả gian truân càng ngời lên phẩm chất cao đẹp của bà Tú. Bà là người đảm đang tháo vát:

Nuôi đủ năm con với một chồng

Mỗi chữ trong câu thơ Tú Xương đều chất chứa bao tình ý, từ đủ trong nuôi đủ vừa nói số lượng, vừa nói chất lượng. Bà Tú nuôi đủ cả con, cả chồng, nuôi đảm bảo đến mức: “Cơm hai bữa: cá kho rau muống – Quà một chiều: khoai lang, lúa ngô” (Thầy đồ dạy học).

Trong hai câu luận, Tú Xương một lần nữa cảm phục sự hy sinh rất mực của vợ:

Năm nắng mười mưa dám quản công

Ở câu thơ này, “nắng mưa” chỉ sự vất vả, “năm, mười” là số lượng phiếm chỉ, để nói số nhiều, được tách ra tạo nên một thành ngữ chéo (năm nắng mười mưa) vừa nói lên sự vất vả gian lao, vừa thể hiện được đức tính chịu thương chịu khó, hết lòng vì chồng vì con của bà Tú.

Trong những bài thơ viết về vợ của Tú Xương, bao giờ ta cũng bắt gặp hình ảnh hai người: bà Tú hiện lên phía trước, ông Tú khuất lấp ở phía sau, nhìn tinh mới thấy. Khi đã thấy rồi thì ấn tượng thật sâu đậm. Ở bài thơ Thương vợ cũng vậy. Ông Tú không xuất hiện trực tiếp nhưng vẫn hiển hiện trong từng câu thơ. Đằng sau cốt cách khôi hài, trào phúng là cả một tấm lòng, không chỉ thương mà còn tri ân vợ. Về câu thơ: “Nuôi đủ năm con với một chồng”, có người cho rằng ở đây ông Tú tự coi mình là một thứ con đặc biệt để bà Tú phải nuôi. Tú Xương đã không gộp mình với con để nói mà tách riêng, con riêng rất rạch ròi là để ông tự riêng tri ân vợ.

Nhà thơ không chỉ cảm phục, biết ơn sự hy sinh rất mực của vợ mà ông còn tự trách, tự lên án bản thân. Ông không dựa vào duyên số để trút bỏ trách nhiệm. Bà Tú lấy ông là do duyên nhưng duyên một mà nợ hai. Tú Xương tự coi mình là cái nợ mà bà Tú phải gánh chịu. Nợ gấp đôi duyên, duyên ít nợ nhiều. Ông chửi thói đời bạc bẽo, vì thói đời là một nguyên nhân sâu xa khiến bà Tú phải khổ. Nhưng Tú Xương cũng không đổ vấy cho thói đời. Sự hờ hững của ông với con cũng là một biểu hiện của thói đời bạc bẽo. Câu thơ Tú Xương tự rủa mát mình cũng là lời tự phán xét, tự lên án:

Có chồng hờ hững cũng như không

Ở cái thời mà xã hội đã có luật không thành văn bản đối với người phụ nữ: “xuất giá tòng phu” (lấy chồng theo chồng), đối với mối quan hệ vợ chồng thì “phụ xướng, phụ tùy” (chồng nói, vợ theo), thế mà có một nhà nho dám sòng phẳng với bản thân, với cuộc đời, dám tự thừa nhận mình là quân ăn lương vợ, không những đã biết nhận ra thiếu sót, mà còn dám tự nhân khuyết điểm. Một con người như thế chẳng đẹp lắm sao.

Nhan đề Thương vợ chưa nói hết sự sâu sắc trong tình cảm của Tú Xương đối với vợ cũng như chưa thể hiện được đầy đủ vẻ đẹp nhân bản của hồn thơ Tú Xương. Ở bài thơ này, tác giả không chỉ thương vợ mà còn ơn vợ, không chỉ lên án “thói đời” mà còn tự trách.

Nhà thơ dám tự nhân khuyết điểm, càng thấy mình khiếm khuyết càng thương yêu, quý trọng vợ hơn.

Tình thương yêu, quý trọng vợ là cảm xúc có phần mới mẻ so với những cảm xúc quen thuộc trong văn học trung đại. Cảm xúc mới mẻ đó lại được diễn tả bằng hình ảnh và ngôn ngữ quen thuộc của văn học dân gian, chứng tỏ hồn thơ Tú Xương dù mới lạ, độc đáo vẫn rất gần gũi với mọi người, vẫn có gốc rễ sâu xa trong tâm thức dân tộc.

2. Cảm nhận của em về bài thơ Thương vợ

Nhắc đến những nhà thơ trào phúng trung đại thì người ta nhớ đến đầu tiên có lẽ là Trần Tế Xương. Quả thật thơ ông mang những nét trào phúng đặc biệt nhất, nó không nhẹ nhàng nhưng thâm thúy sâu cay như Nguyễn Khuyến mà nó sâu cay, cười mỉa mai trước những cái sự đời. Cũng giống như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương cũng có bài thơ tự cười mình, không chỉ cười xã hội mà ông còn cười chính bản thân mình. Và cũng chính vì thế mà Nguyễn Khuyến có bài tự trào thì Trần Tế Xương cũng có bài Thương vợ. Nhan đề bài thơ gợi lên cho ta tình cảm của nhà thơ dành cho người vợ mình nhưng đồng thời nội dung bài thơ còn thể hiện một tiếng cười về bản thân bất tài vô dụng của Trần Tế Xương. Hai câu thơ mở đầu Trần Tế Xương đã kể lên những vất vả của người vợ thương yêu của mình. Đó là sự vất vả được hiện lên và mục đích của công việc ấy:

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng”*

Hình ảnh người vợ của Trần Tế Xương hiện lên giống như những người phụ nữ, người mẹ nào trong hình dáng người phụ nữ ngày xưa với cái nghề buôn bán. Chỉ cần có thể mà biết bao nhiêu hình ảnh giản dị hay lam hay làm của người phụ nữ xưa hiện ra. Đó là hình ảnh người phụ nữ áo nâu váy đụp gánh tất cả những hàng hóa trên đôi vai nhỏ bé của mình ra chợ rồi lại từ chợ về nhà. Người vợ của nhà thơ hiện lên cũng với hình ảnh ấy và công việc ấy đặc biệt rằng công việc ấy được diễn ra thường xuyên qua hai từ “quanh năm”. Người phụ nữ ấy làm việc vất vả quanh năm cũng chỉ một công việc đó từ năm này qua năm khác. Thế nhưng địa điểm không phải trên những mặt đất bằng phẳng mà lại ở mom sông gợi sự vất vả, nguy hiểm. Như vậy vợ nhà thơ là một người không những vất vả mà còn phải đối mặt với nguy hiểm. Thế nhưng bà Tú làm như vậy để được gì, không chỉ nuôi bản thân mình mà bà Tú còn phải nuôi đủ “năm con với một chồng”. Ở đây nhà thơ đang tự cười chính bản thân mình. Chồng cũng trở thành một con số đếm ngang hàng với những đứa con trong gánh nặng của người vợ. Không những thế còn là “nuôi đủ” càng chứng tỏ gánh nặng của người vợ kia. Giờ đây quang gánh kia không chỉ đơn giản là những mặt hàng của bà nữa mà trên đó còn có cả năm con với một người chồng.

Sang hai câu thơ tiếp theo người chồng gánh nặng kia lại tiếp tục thể hiện lòng thương vợ của mình và những vất vả mà bà Tú phải trải qua hàng ngày:

*“Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.”*

Ông chồng người mà được coi là trụ cột của gia đình không chỉ về tinh thần mà còn về kinh tế nhưng giờ đây lại là gánh nặng của vợ mình. Bà Tú phải lặn lội với những nguy hiểm khi đi vào những con đường vắng mà chỉ có một mình. Hình ảnh con cò trong câu ca dao xưa tượng trưng cho người phụ nữ nghèo khổ lại được nhà thơ sử dụng trong bài thơ của mình. Không biết rằng có biết bao nhiêu những khó khăn và nguy hiểm đang rình rập và nuốt lấy vợ mình. Vượt qua những nguy hiểm khó khăn ấy bà Tú vẫn đi đến chợ mom sông trên những buổi đò eo sèo những lời của người mua kẻ bán. Họ đang mặc cả với nhau từng đồng một để lo cho gia đình mình.

Và rồi nhà thơ nói đến duyên phận của mình với vợ và như thay vợ nói lên cái thở dài chán nản trước một người chồng mà lại gánh nặng như một người con thứ sáu trong nhà:

*“Một duyên, hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa, dám quản công.”*

Người xưa hay có quan niệm về duyên và nợ, hai người lấy nhau thì là có duyên có nợ từ kiếp trước, còn yêu nhau mà không lấy được nhau thì đó là có duyên nhưng không có nợ. Ở đây bà Tú lại có duyên có cả nợ với nhà thơ nên mới chịu cảnh khó khăn khổ cực như thế. Một chữ duyên, hai chữ nợ, thôi thì đành phận với nhau. Nhà thơ lại thể hiện sự vất vả của vợ mình qua “năm nắng, mười mưa”. Câu thơ ấy như gợi lên sự khó nhọc mà trong ca

dao cũng nhắc đến như “một nắng hai sương”. Có thể thấy rằng chính cái số đếm cụ thể ấy đã làm nổi bật lên sự khó nhọc của bà Tú. Thế nhưng Bà Tú còn hiện lên đẹp hơn khi không quản công gánh nặng ấy. Bà thương chồng thương con và hi sinh cho chồng con mà không một lời than vãn.

Nhưng chính sự không than vãn và đức hi sinh ấy khiến cho nhà thơ không thể nào yên lòng được:

“Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:

Có chồng hờ hững cũng như không!”

Thương vợ Trần Tế Xương cũng như đang tự cười bản thân mình và hai câu thơ cuối này là tiếng chửi to nhất, sâu cay nhất. Tác giả tự thấy bản thân mình ăn ở bạc không thể giúp đỡ được gì cho người vợ chân yếu tay mềm hơn mình rất nhiều, ngẫm thấy có chồng cũng như không. Phải chăng nhà thơ đang chửi rửa dần vật chính bản thân mình vì không thể nào giúp đỡ cho vợ?

Qua đây ta thấy nhà thơ Trần Tế Xương thể hiện sự thương vợ sâu sắc. Bài thơ giống như một bức thư, một dòng nhật kí mà nhà thơ muốn gửi đến vợ mình. Đặc biệt bản thân ông ý thức rõ được sự vô dụng của mình mà tự thấy xấu hổ mà tự chửi chính mình. Nói tóm lại dù thế nào đi nữa thì qua đây chúng ta cũng biết được tâm trạng và tình cảm của Trần Tế Xương dành cho vợ mình.

3. Em hãy bình giảng bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương

Tú Xương được xem là một trong số những nhà văn nổi bật trong nền văn học Việt Nam. Tú Xương với ngòi bút trào phúng đầy sắc nhọn như đã chia sẻ về xã hội thối nát thực dân phong kiến đương thời lúc ông đang sống. Và bên cạnh đó, ông cũng đã có rất nhiều bài thơ cảm động và thấm đẫm tình cảm mà tiêu biểu phải kể đến “Thương vợ”.

Và người đọc đã cảm nhận được tình cảm của nhà văn ngay từ cái nhan đề đã toát lên tình cảm thương yêu chứa chan của nhà thơ dành cho bà Tú- người vợ thân yêu của ông. Mở đầu bài thơ, bà Tú như đã được vẽ lên, hiện lên với hình ảnh của một phụ nữ tất bật với công việc, gia đình với biết bao những bận bịu với gánh nặng mưu sinh cơn áo.

*“Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng”*

“Mom sông” được nhắc đến trong bài đó chính là nơi có mỏm đất nhô ra, rất chênh vênh. Chỉ với hai từ “mom sông” thôi là đã cho ta thấy được những cái nổi vất vả, cơ cực của bà Tú khi bà đã phải lặn lội kiếm sống từ ngày này qua ngày khác để chăm cho chồng và chăm con. Dường như người đọc cũng có thể thấy được mọi gánh nặng trong gia đình đều đổ dồn lên một vai bà Tú- một người phụ nữ. Ông Tú cũng như đã ví mình đánh đồng với những đứa con, thậm chí gánh nặng trên vai của bà Tú như còn nặng hơn vì câu thơ như bẻ ra làm đôi vì sức nặng. “Năm con” với “một chồng” cứ như nói rằng sự vất vả lo toan cho 5 đứa con cũng bằng ngàn ấy đối với một ông chồng. Gánh nặng như lại càng nặng. Bà Tú như đã vất vả lại thêm vất vả hơn. Và ta như cảm giác được Tú Xương cũng như đang tự trách bản thân không thể làm gì được, mà cũng như đi ăn bám vợ mình, cũng giống như những đứa con không hơn không kém.

*“Lặn lội thân cò nơi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông”*

Từ “Eo sèo” được sử dụng rất đắt, nó như đã chỉ sự rày rà bằng lời gọi liên tiếp dai dẳng. Và để có thể trang trải được mọi chi phí cho gia đình cho chồng cho con, bà Tú đã phải chắt vật thậm chí bà đã phải giành giật từng miếng cơm, manh áo trong thời buổi cơ cực.

*“Một duyên hai nợ, âu đành phận,
Năm nắng, mười mưa dám quản công.”*

Tú Xương thật là đã rất thành công trong việc sử dụng hai câu thành ngữ quen thuộc của ông cha ta ngày trước đó chính là câu “một duyên hai nợ” và câu ca “năm nắng mười mưa”. Và cũng chỉ chữ “Duyên” ở đây ý là dùng để chỉ đến cái duyên phận, duyên “nợ” mà bà Tú phải cam phận, và cũng đã phải chịu đựng. “Nắng”, “mưa” từ trước tới nay vốn là những hình ảnh tượng trưng cho sự vất vả. Bà Tú dường như cũng đã phải âm thầm chịu đựng mọi khó khăn để như có thể đảm bảo cuộc sống no đủ cho cả gia đình. Bà Tú như đã mang dáng dấp tiêu biểu của người phụ nữ Việt Nam với những đức tính như là chịu thương, chịu khó, âm thầm hi sinh tất cả vì gia đình nhỏ bé của mình. Và có chăng cũng chính vì lẽ đó mà ông Tú như lại càng cảm thấy trách cho chính bản thân mình hơn bao giờ hết. Có lẽ bởi vậy mà ông Tú lại càng thấy trách chính bản thân mình:

*“Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ hững cũng như không!”*

Ông Tú dường như cũng đã tự thấy bản thân là một kẻ “ăn bám vợ”, và ông như cảm thấy mình là một kẻ thật vô tích sự trong gia đình. Và đáng nói ra đó là ông như thậm chí còn “hờ hững” với cả vợ, cả con. Câu thơ trên như cũng chính là lời tâm sự của nhà thơ, nó dường như đã có sức như đã khiến ta không thể giận ông, mà chỉ có thể căm ghét xã hội đã đẩy đã thật bất công vì đã đẩy con người phải sống một cuộc đời lam lũ, khó khăn.

Với moijit lời thơ giản dị, gần gũi, bài thơ đặc sắc “Thương vợ” dường như cũng đã đến với độc giả một cách nhẹ nhàng, nhưng đồng thời cũng như chất chứa, chứa chan tình cảm và cũng đầy sâu lắng. Người đọc không thể nào quên được hình ảnh bà Tú đẹp như bao người mẹ Việt, đẹp như bao người chị trong gia đình Việt Nam, khiến ta cảm thấy quen thuộc, mến yêu người phụ nữ này hơn.

www.eLib.vn